TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ

Bà Đào Đắc Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:* Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-DS ngày 31-3-2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Mộng N, sinh năm 1999; địa chỉ nơi cư trú: Ấp 10, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng N2, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-02-2025, đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt đề ngày 31-3-2025, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 31-3-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Cao Mộng N trình bày cho rằng Bà Cao Mộng N và Ông Lê Hoàng N2 tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng ngày 13-5-2021. Vợ chồng chung sống thường bất đồng quan điểm, cãi vả, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho nhau, không có thiện chí hàn gắn trở lại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Bà Cao Mộng N yêu cầu được ly hôn với Ông Lê Hoàng N2. Qua trình chung sống giữa Bà Cao Mộng N và Ông Lê Hoàng N2 có 01 con chung tên

Lê Hoàng Bảo N3 (sinh ngày 26-11-2021) hiện đang sống cùng Bà Cao Mộng N; khi ly hôn Bà Cao Mộng N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Ông Lê Hoàng N2 cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung Bà Cao Mộng N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Lê Hoàng N2 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, Bà Cao Mộng N vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Lê Hoàng N2 vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do chưa chấp hành theo triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân cho Bà Cao Mộng N được ly hôn với Ông Lê Hoàng N2; về con chung, tiếp tục giao cháu Lê Hoàng Bảo N3 cho Bà Cao Mộng N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho Ông Lê Hoàng N2 không ai được quyền ngăn cản; về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Mộng N là vụ án hôn nhân và gia đình về *"ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn Ông Lê Hoàng N2 cư trú Ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Bà Cao Mộng N vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Lê Hoàng N2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Cao Mộng N và Ông Lê Hoàng N2 kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 13-5-2021 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo Bà Cao Mộng N trình bày vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vả và đã sống ly thân, hiện bà và Ông Lê Hoàng N2 đều đã có cuộc sống riêng, không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn được nữa. Qua xác minh địa phương tại Ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc

Trăng không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ly hôn giữa Bà Cao Mộng N và Ông Lê Hoàng N2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng Bà Cao Mộng N vẫn kiên quyết xin ly hôn, Ông Lê Hoàng N2 nhận văn bản của Toà án tống đạt thông báo về yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Mộng N đối với ông nhưng ông vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện Bà Cao Mộng N và Ông Lê Hoàng N2 sau khi ly thân thì mỗi người tự sống cuộc sống riêng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình… là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét Bà Cao Mộng N yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Cao Mộng N trình bày bà và Ông Lê Hoàng N2 có một con chung tên Lê Hoàng Bảo N3 (sinh ngày 26-11-2021) hiện đang sống cùng Bà Cao Mộng N; khi ly hôn Bà Cao Mộng N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến thành niên và không yêu cầu Ông Lê Hoàng N2 cấp dưỡng cho con; Ông Lê Hoàng N2 không có ý kiến gì về vấn đề con chung gửi đến Toà án. Xét thấy, hiện cháu Lê Hoàng Bảo N3 đang được Bà Cao Mộng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; vì vậy, cần tiếp tục giao cháu cho Bà Cao Mộng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của Bà Cao Mộng N, Ông Lê Hoàng N2; Ông Lê Hoàng N2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Cao Mộng N không yêu cầu về cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Cao Mộng N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Lê Hoàng N2 không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Cao Mộng N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Lê Hoàng N2 không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Cao Mộng N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 3, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Cao Mộng N với bị đơn Ông Lê Hoàng N2:

- Về hôn nhân: Bà Cao Mộng N được ly hôn với Ông Lê Hoàng N2 (Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 13-5-2021 tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng).

- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Bảo N3 (sinh ngày 26-11-2021) cho Bà Cao Mộng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đã thành niên; Ông Lê Hoàng N2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con: Bà Cao Mộng N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Cao Mộng N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Lê Hoàng N2 không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Cao Mộng N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Lê Hoàng N2 không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Cao Mộng N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008415 ngày 17-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Uỷ ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhẫn